

Số: 497/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Khoa học và Công nghệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Văn bản số 147/TT.HĐND ngày 04/11/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 94/TTr-STC ngày 19/10/2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Khoa học và Công nghệ, chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức mua sắm, quản lý và sử dụng máy móc, thiết bị theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh; và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Như Điều 3;
- TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH_{chi}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng

Phụ lục

Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
(Kèm theo Quyết định số: 497/QĐ-UBND ngày 16/11/2022
của UBND tỉnh)

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng
1	Màn hình LED trong nhà kích thước: 3200x1600mm (cùng các phụ kiện đi kèm) Khoảng cách điểm ảnh: 2mm Độ phân giải mô-đun (W × H): 160x80 = 12800 pixel HUB: HUB75 Kích thước mô-đun: 320mm × 160mm × 16,6mm Trọng lượng mô-đun: 0,45 ± 0,02kg Độ sáng ≥ 500 CD / m ² Hỗ trợ video 2K HD, 4K UHD Bộ xử lý hình ảnh đồng bộ Phụ kiện, dây cáp	01 bộ
2	Khối điều khiển trung tâm - Cấp nguồn lên tới 50 hộp đại biểu: Khối điều khiển trung tâm có 2 cổng để kết nối với các hộp hội thảo, mỗi cổng có thể kết nối tới 25 hộp hội thảo - Nguồn cấp 100 to 240 VAC ± 10 % - Dòng tiêu thụ cực đại 0.9 A (100 VAC) to 0.3 A (240 VAC) - Trọng lượng 1.5 kg (3.3 lb)	01 bộ
3	Hệ thống micro gồm: 01 Hộp chủ tọa kèm micro cần dài và 12 Hộp đại biểu kèm micro cần dài * Micro chủ tọa - Phím bấm ưu tiên dành cho chủ tọa - Switch lựa chọn chế độ ngắt tạm thời hoặc ngắt hẳn đối với micro của các đại biểu khi chủ tọa nhấn phím bấm ưu tiên - 01 sợi cáp 2m với giắc CCS 7 chân đực, dành cho nối vòng với các micro đại biểu hoặc kết nối vào khối điều khiển trung tâm - 01 giắc CCS 7 chân cái, dành cho nối vòng với các micro đại biểu khác trong hệ thống - 02 giắc cắm dành cho tai nghe 3,5mm * Micro đại biểu - 01 sợi cáp 2m với giắc CCS 7 chân đực, dành cho nối vòng với các micro đại biểu hoặc kết nối vào khối điều khiển trung tâm - 01 giắc CCS 7 chân cái, dành cho nối vòng với các micro đại biểu khác trong hệ thống - 02 giắc cắm dành cho tai nghe 3,5mm	01 bộ

4	 Hệ thống âm thanh: 06 gồm loa trần và 01 amply cho hệ thống âm thanh. * Loa trần 36/24W vỏ kim loại - Công suất lớn nhất: 36W - Các mức chọn lựa công suất ra: 24/12/6W - Mức thanh áp tại 24W/1W (1 kHz, 1 m): 106 dB/92 dB - Mức thanh áp tại 24W/1W (4 kHz, 1 m): 107 dB/93 dB - Phạm vi tần số hiệu quả: 60Hz - 18kHz * Âm ly công suất 360/240W - Nguồn cung cấp: 230Vac, $\pm 10\%$, 50/60Hz - Công suất tiêu thụ: 760VA - Nguồn pin dự phòng: 24 VDC, $\pm 15\%$ - Dòng điện vào lớn nhất: 11A - Dải tần số đáp ứng: 50Hz - 20kHz (+1/-3 dB@-10dB)	01 bộ
---	--	-------